CTCP Sữa Việt Nam (HSX: VNM)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	65,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.9%	**-3.1%**	**-1.6%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	63,500 - 78,692
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136,892
Số lượng CPLH (CP)	2,089,955,445
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,355,045
Sở hữu nước ngoài	50.8%
Beta	0.58
EPS	4,633
P/E	14.1

Tỷ suất lợi nhuận

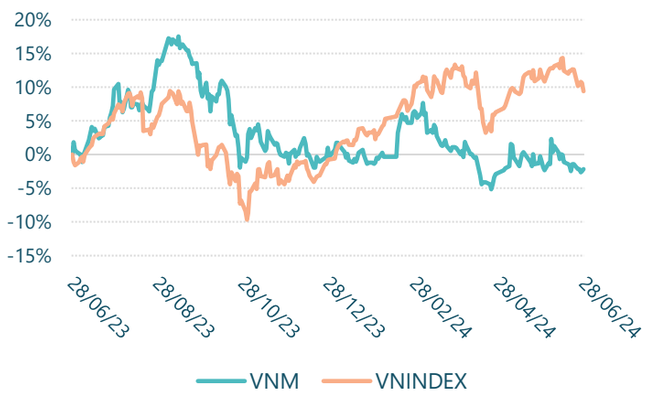

Doanh thu thuần

Q2/24

16,656

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,544 | 18.0%

YoY: ▲ 1,461 | 9.6%

Nợ/VCSH

Q2/24

41.4%

YoY: +/-▼ 2.7%

LN gộp

Q2/24

7,068

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,156 | 19.5%

YoY: ▲ 918 | 14.9%

ROE (TTM)

Q2/24

25.8%

YoY: +/-▼ 0.4%

LN trước thuế

Q2/24

3,309

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 603 | 22.3%

YoY: ▲ 581 | 21.3%

ROA (TTM)

Q2/24

18.4%

YoY: +/-▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh Q2/24

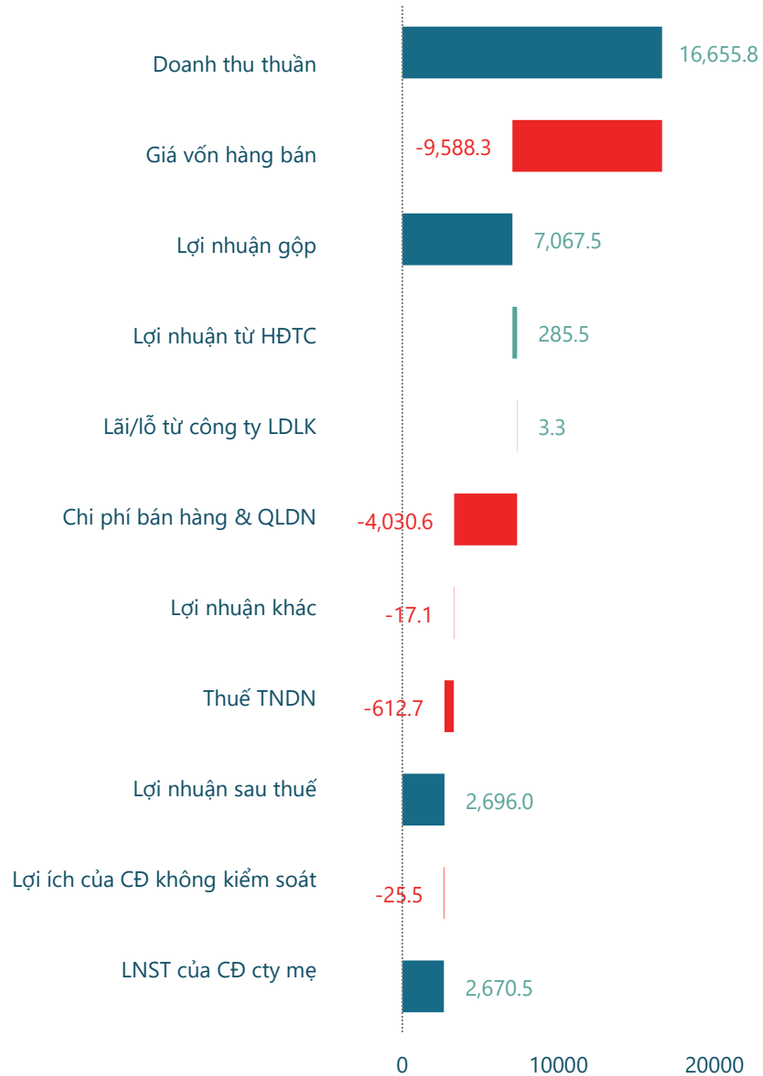

Kết quả kinh doanh

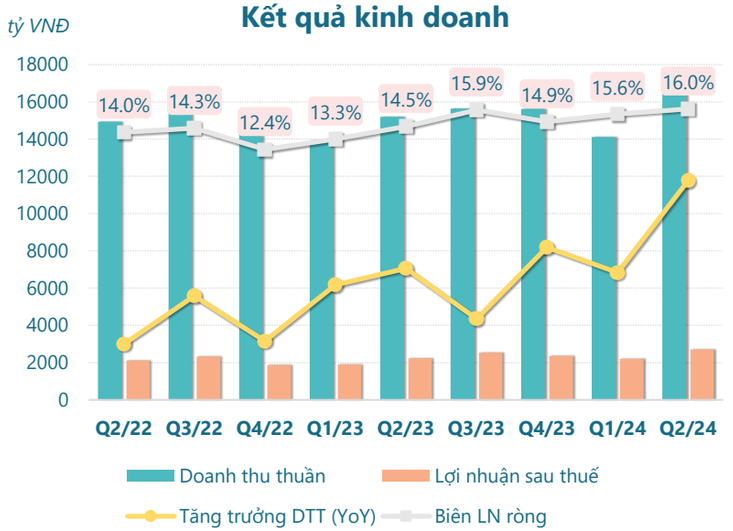

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 3,326 tỷ đồng**, tăng thêm 22.5% so với kỳ trước và cao hơn 19.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 285.5 tỷ đồng**, tăng thêm 0.22% so với kỳ trước và cao hơn 6.53% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 17.13 tỷ đồng** giảm đi 7.43 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 31.62 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

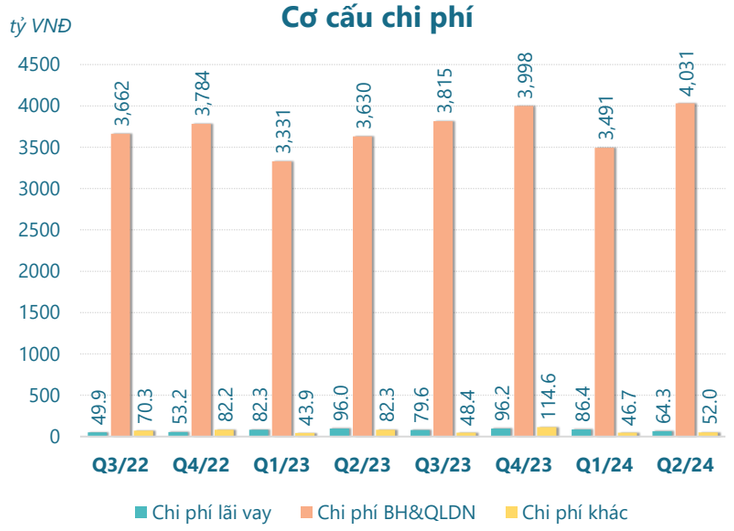

Kết quả kinh doanh của **VNM** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **16,656 tỷ đồng** tăng thêm **9.61%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2,696 tỷ đồng**, **tăng trưởng 20.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **30,768 tỷ đồng** cao hơn 5.68% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4,903 tỷ đồng** cao hơn 18.6% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

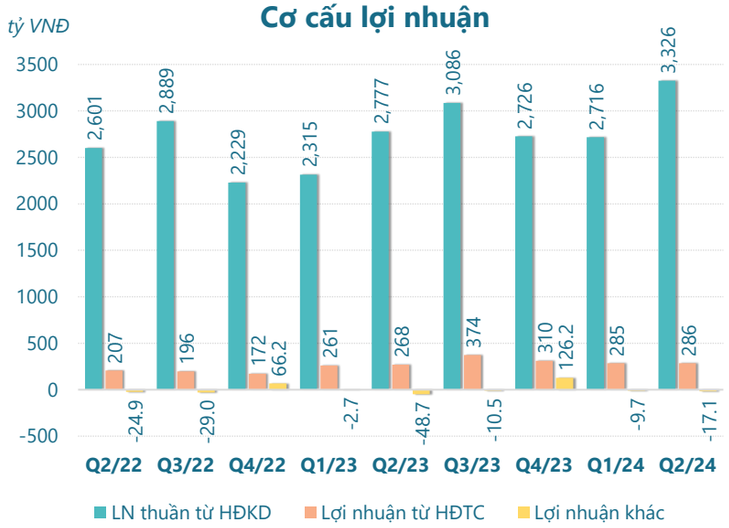

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **64.29 tỷ đồng** giảm đi 25.6% so với kỳ trước và thấp hơn 33.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4,031 tỷ đồng** tăng thêm 15.5% so với kỳ trước và cao hơn 11.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **51.97 tỷ đồng** tăng thêm 11.3% so với kỳ trước và thấp hơn 36.8% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Sữa Việt Nam (HSX: VNM)

FireAnt
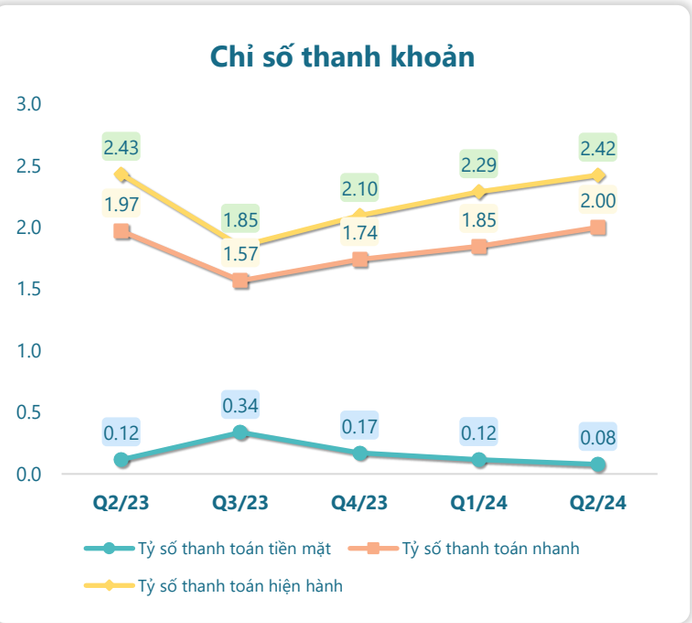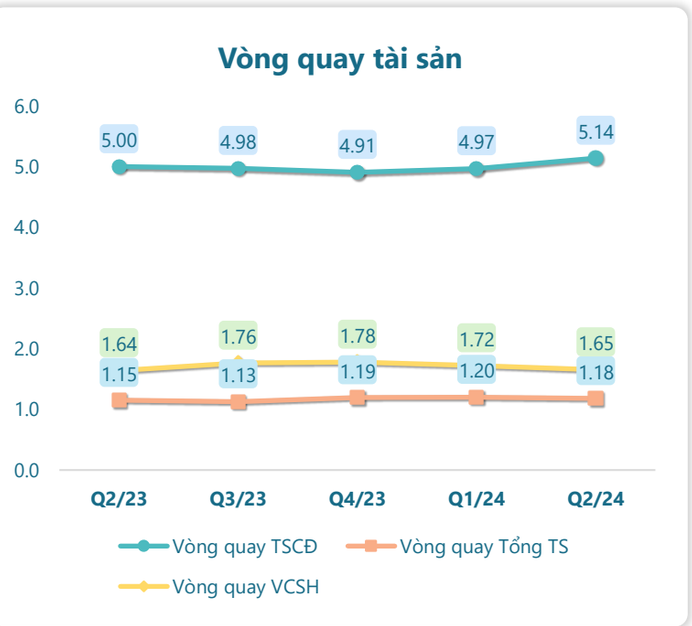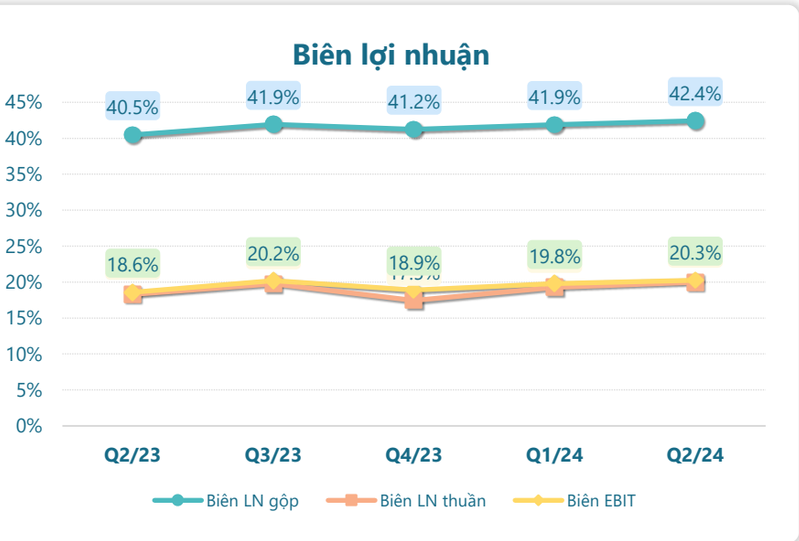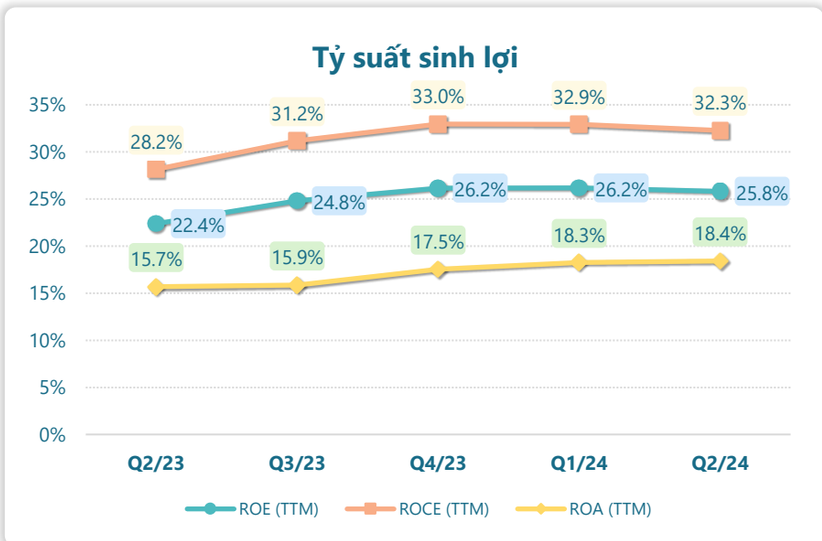
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**16,656**	**14,112**	**18.0%**	**15,195**	**9.6%**	**30,768**	**29,113**	**5.7%**
Giá vốn hàng bán	9,588	8,201	16.9%	9,045	6.0%	17,789	17,565	1.3%
Lợi nhuận gộp	7,068	5,912	19.5%	6,150	14.9%	12,979	11,548	12.4%
Doanh thu HĐTC	373	387	-3.6%	384	-2.8%	761	804	-5.4%
Chi phí TC	87.7	102	-14.0%	116	-24.4%	190	274	-30.6%
Chi phí lãi vay	64.3	86.4	-25.6%	96.0	-33.0%	151	178	-15.5%
LN trong công ty LKLD	**3.34**	**10.3**	**-67.6%**	**-11.2**	**130%**	**13.7**	**-25.0**	**155%**
Chi phí bán hàng	3,575	3,095	15.5%	3,200	11.7%	6,670	6,142	8.6%
Chi phí QLDN	**456**	**396**	**15.1%**	**431**	**5.7%**	**852**	**819**	**3.9%**
LN thuần từ HĐKD	3,326	2,716	22.5%	2,777	19.8%	6,041	5,092	18.7%
Lợi nhuận khác	**-17.1**	**-9.70**	**-76.6%**	**-48.7**	**64.8%**	**-26.8**	**-51.5**	**47.9%**
LN trước thuế	3,309	2,706	22.3%	2,728	21.3%	6,014	5,040	19.3%
Lợi nhuận sau thuế	**2,696**	**2,207**	**22.2%**	**2,229**	**20.9%**	**4,903**	**4,135**	**18.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2,670**	**2,195**	**21.7%**	**2,199**	**21.4%**	**4,865**	**4,056**	**20.0%**